

Số: **258/2018/QĐST-HNGĐ**

Q, ngày 05 tháng 9 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 386/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018, giữa:

-Nguyên đơn: **Chị Trần Thị S** - sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số 370, ấp G, xã S, huyện X, tỉnh Đ.

-Bị đơn: **Anh Nguyễn Thanh V** - sinh năm 1985

Địa chỉ: Số 140, khu 2, ấp 8, xã C, huyện Q, tỉnh Đ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: **Chị Trần Thị S** và **anh Nguyễn Thanh V**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: **Giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo T** – sinh ngày 08/5/2018 cho **chị Sen** được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: **Anh V** tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), thời điểm cấp dưỡng từ ngày 01/10/2018 cho đến khi cháu **T** đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh V có quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Vì quyền lợi của con chung **chị S** và **anh V** có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên đương sự nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000đ và án phí về cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ, chị Trần Thị S tự nguyện chịu. Chị Trần Thị S đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 005627 ngày 16/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Đ được đối trừ án phí 300.000 đồng. Chị S đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Định Quán;
- UBND xã C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Xuân Hòa